

## ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2017

### 1. Thông tin chung về trường (Tính đến thời điểm xây dựng Đề án)

#### 1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (cơ sở và phân hiệu) và địa chỉ trang web

Tên Trường: Trường Đại học Kinh tế - ĐHQG Hà Nội.

Địa chỉ: 144 đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ trang web: <http://ueb.vnu.edu.vn>

Với sứ mệnh cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao theo định hướng chuyên gia, lãnh đạo trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh và với mục tiêu đến năm 2020, trở thành đại học theo định hướng nghiên cứu được xếp hạng ngang tầm với một số đại học tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á.

#### 1.2. Quy mô đào tạo

Nhóm ngành	Quy mô hiện tại			
	ĐH		CĐSP	
	<i>GD chính quy (ghi rõ số NCS, số học cao học, số SV đại học)</i>	<i>GDTX (ghi rõ số SV ĐH)</i>	<i>GD chính quy</i>	<i>GDTX</i>
Nhóm ngành III	<i>Cử nhân: 1055 Thạc sĩ: 1146 NCS: 47</i>			
Nhóm ngành VII	<i>Cử nhân: 930 Thạc sĩ: 82 NCS: 30</i>			
<b>Tổng (ghi rõ cả số NCS, cao học, SV ĐH, CĐ)</b>	<b>Cử nhân: 1985 Thạc sĩ: 1228 NCS: 77</b>			



### 1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

#### 1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Trong năm tuyển sinh 2015 và 2016 Trường ĐH Kinh tế xét tuyển theo Đề án của ĐHQGHN, nhà Trường sử dụng kết quả điểm thi ĐGNL của ĐHQGHN để xét tuyển vào trường. Đối với các chương trình CLC Trường ĐH Kinh tế xét tuyển căn cứ kết quả điểm thi ĐGNL và điểm Tiếng Anh (Điểm thi ĐGNL Tiếng Anh hoặc điểm chuyển đổi các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế).

#### 1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Trong năm tuyển sinh 2015 và 2016 nhà trường sử dụng xét tuyển theo Đề án của ĐHQGHN, do đó điểm trúng tuyển không căn cứ kết quả của Kỳ thi THPT.

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh -2			Năm tuyển sinh -1		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
<b>Nhóm ngành III</b>	<b>200</b>	<b>98</b>		<b>300</b>	<b>436</b>	
Quản trị kinh doanh	80	37		120	167	
Tài chính-Ngân hàng	70	23		110	122	
Kế toán	50	38		70	147	
<b>Nhóm ngành VII</b>	<b>170</b>	<b>104</b>		<b>240</b>	<b>340</b>	
Kinh tế	50	24		60	91	
Kinh tế phát triển	40	25		60	80	
Kinh tế quốc tế	80	55		120	169	
<b>Tổng</b>	<b>370</b>	<b>202</b>	<b>X</b>	<b>540</b>	<b>776</b>	<b>X</b>

*all*

## 2. Các thông tin của năm tuyển sinh

### 2.1. Đối tượng tuyển sinh;

Người học hết chương trình THPT và tốt nghiệp THPT trong năm ĐKDT; người đã tốt nghiệp THPT; người đã tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề và có bằng tốt nghiệp THPT; người tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành chương trình giáo dục THPT không trong thời gian bị kỷ luật theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT).

### 2.2. Phạm vi tuyển sinh;

Trường ĐH Kinh tế Tuyển sinh tất cả các thí sinh trên phạm vi cả nước.

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

- *Đợt 1*: Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia theo tổ hợp các môn/bài thi tương ứng; kết quả thi đánh giá năng lực (ĐGNL) còn hạn sử dụng do ĐHQGHN tổ chức; chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí ĐH Cambridge, Anh (Cambridge International Examinations A-Level, UK; sau đây gọi tắt là chứng chỉ A-Level)

Thời gian xét tuyển (*dự kiến*) từ 17/7-31/08/2017

- *Đợt bổ sung*: Xét tuyển như Đợt 1, Quy định cụ thể xét tuyển của từng ngành học tương ứng sẽ được công bố trên website của ĐHQGHN và của các đơn vị đào tạo (*nếu có*). Thời gian xét tuyển (*dự kiến*) trước 13/8/2017.

2.4. *Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành/nhóm ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo;*

STT	Khối/ngành/chuyên ngành đào tạo (*)	Đại học
III	Khối ngành III	370
1	Quản trị kinh doanh	150
	- <i>Chương trình chuẩn</i>	80
	- <i>Chất lượng cao</i>	70
2	Tài chính - Ngân hàng	130

STT	Khối/ngành/chuyên ngành đào tạo (*)	Đại học
	- Chương trình chuẩn	70
	- Chất lượng cao	60
3	Kế toán	90
<b>VII</b>	<b>Khối ngành VII</b>	<b>310</b>
4	Kinh tế	80
5	Kinh tế phát triển	80
6	Kinh tế quốc tế	150
	- Chương trình chuẩn	80
	- Chất lượng cao	70
	<b>Tổng cộng</b>	<b>680</b>

**2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT;**

Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng theo quy định của ĐHQGHN và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...**

**2.6.1. Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Quản trị Kinh doanh (đáp ứng Thông tư 23 của Bộ GD&ĐT)**

**Mã trường:** QHE.

**Tên ngành đào tạo:**

+ Tiếng Việt: Quản trị kinh doanh

+ Tiếng Anh: Business Administration

**Mã số ngành đào tạo:** 52340101CLC

**Tổ hợp xét tuyển:**

+ Tổ hợp môn xét tuyển 1: Toán, KHTN, Anh (D90)

+ Tổ hợp môn xét tuyển 2: Toán, KHXH, Anh (D96)

*ue*

*g*

Tiêu chí phụ: Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì xét trúng tuyển căn cứ theo điểm từ cao xuống thấp của môn Tiếng Anh.

- Chương trình được xây dựng trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo của Trường Haas School of Business (University of California Berkeley, Hoa Kỳ) có điều chỉnh, bổ sung phù hợp với điều kiện Việt Nam. Chương trình đạt tiêu chuẩn kiểm định của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA).

- Một số môn ngành và chuyên ngành được giảng dạy bằng tiếng Anh. Các giảng viên tham gia giảng dạy chương trình có kiến thức chuyên sâu, có kinh nghiệm thực tiễn, được đào tạo tại các trường đại học danh tiếng trong nước và ngoài nước.

- Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn tiếng Anh bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), có kiến thức, kỹ năng và trải nghiệm thực tế, có tư duy độc lập, khả năng tự triển khai các ý tưởng khởi nghiệp và làm việc trong các lĩnh vực marketing, quản trị nguồn nhân lực, tài chính...

\* Lợi ích đặc thù của chương trình:

Ngoài lợi ích chung, sinh viên sẽ có thêm các lợi ích sau:

- Cơ hội được nhận học bổng hàng kỳ của chương trình lên tới 17.500.000 đồng.

- Được ưu tiên tham gia các chương trình trao đổi, giao lưu quốc tế và được hỗ trợ kinh phí.

- Được học tập tại các giảng đường đạt chuẩn quốc tế.

\* Học phí của chương trình: 35.000.000 đồng/1 năm học.

**2.6.2. Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Kinh tế Quốc tế (đáp ứng Thông tư 23 của Bộ GD&ĐT)**

**Mã trường:** QHE.

**Tên ngành đào tạo:**

+ Tiếng Việt: Kinh tế quốc tế

+ Tiếng Anh: International Economics

**Mã số ngành đào tạo:** 52310106CLC

**Tổ hợp xét tuyển:**

+ Tổ hợp môn xét tuyển 1: Toán, KHTN, Anh (D90)

+ Tổ hợp môn xét tuyển 2: Toán, KHXX, Anh (D96)

Tiêu chí phụ: Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì xét trúng tuyển căn cứ theo điểm từ cao xuống thấp của môn Tiếng Anh.

- Chương trình được xây dựng trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo của California Santa Cruz (Hoa Kỳ), có điều chỉnh, bổ sung phù hợp với điều kiện Việt Nam. Chương trình đạt tiêu chuẩn kiểm định của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA).

- Một số môn ngành và chuyên ngành được giảng dạy bằng tiếng Anh. Các giảng viên tham gia giảng dạy chương trình có kiến thức chuyên sâu, có kinh nghiệm thực tiễn, được đào tạo tại các trường đại học danh tiếng trong nước và ngoài nước.

- Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn tiếng Anh bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), có kiến thức, kỹ năng và trải nghiệm thực tế, có tư duy độc lập, có năng lực làm việc trong các lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng, xuất nhập khẩu, tài chính quốc tế, kinh doanh quốc tế, đầu tư nước ngoài...

\* Lợi ích đặc thù của chương trình

Ngoài lợi ích chung, sinh viên sẽ có thêm các lợi ích sau:

- Cơ hội được nhận học bổng hàng kỳ của chương trình lên tới 17.500.000 đồng.

- Được ưu tiên tham gia các chương trình trao đổi, giao lưu quốc tế và được hỗ trợ kinh phí.

- Được học tập tại các giảng đường đạt chuẩn quốc tế.

\* Học phí của chương trình: 35.000.000 đồng/1 năm học.

**2.6.3. Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Tài chính - Ngân hàng (đáp ứng Thông tư 23 của Bộ GD&ĐT)**

**Mã trường: QHE.**

**Tên ngành đào tạo:**

+ Tiếng Việt: Tài chính - Ngân hàng

+ Tiếng Anh: Finance - Banking

**Mã số ngành đào tạo: 52340201CLC**

**Tổ hợp xét tuyển:**

+ Tổ hợp môn xét tuyển 1: Toán, KHTN, Anh (D90)

+ Tổ hợp môn xét tuyển 2: Toán, KHXH, Anh (D96)

Tiêu chí phụ: Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì xét trúng tuyển căn cứ theo điểm từ cao xuống thấp của môn Tiếng Anh.

- Chương trình được xây dựng trên cơ sở kế thừa chương trình đào tạo cử nhân TCNH hệ chuẩn, với sự tham khảo chương trình đào tạo của trường kinh doanh Wharton – Đại học Pennsylvania (Hoa Kỳ), có chỉnh sửa, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn ngành tài chính ngân hàng tại Việt Nam.

- Hơn 20% số tín chỉ thuộc kiến thức khối ngành, nhóm ngành và ngành được giảng dạy bằng tiếng Anh. Đội ngũ giảng viên tâm huyết đam mê trong lĩnh vực giảng dạy, có kinh nghiệm thực tiễn và tư vấn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và được đào tạo bài bản tại các trường Đại học danh tiếng trong và ngoài nước.

- Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn tiếng Anh bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), có kiến thức, kỹ năng và trải nghiệm thực tế, có tư duy độc lập, có khả năng làm việc trong các lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, tài chính công ty, thuế và kho bạc...

• Lợi ích đặc thù của chương trình:

Ngoài lợi ích chung, sinh viên sẽ có thêm các lợi ích sau:

- Chương trình được Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh (ACCA) đồng ý cho phép sử dụng đề cương đào tạo của 6 môn học trong chương trình đào tạo của ACCA, tạo điều kiện cho sinh viên tiết kiệm chi phí học và thi ACCA.

- Được tiếp cận với chương trình học và phương pháp giảng dạy tiên tiến nhất trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

- Được tham gia thực tập thực tế tại các tổ chức tài chính, ngân hàng, kiểm toán hàng đầu Việt Nam ngay từ năm thứ 3 và có cơ hội được tuyển dụng ngay trong quá trình thực tập.

- Sinh viên tốt nghiệp sẽ được công nhận 4 môn học tương đương của chương trình đào tạo ACCA và nếu tích lũy thêm 1 môn của ACCA sẽ được nhận ngay chứng chỉ danh giá của ACCA, có giá trị lớn trong quá trình thi tuyển vào các tổ chức tài chính, kế toán, kiểm toán uy tín nhất hiện nay.

- Có cơ hội tham gia trao đổi học tập tại các trường đại học danh tiếng trên thế giới: Đại học Rennes, Đại học Bordeaux, Đại học Lincoln...

- Cơ hội được nhận học bổng hàng kỳ của chương trình lên tới 17.500.000 đồng.

- Có cơ hội trải nghiệm môi trường học tập chuyên nghiệp, trang thiết bị học tập đạt tiêu chuẩn quốc tế.

\* Học phí của chương trình: 35.000.000 đồng/1 năm học.

#### **2.6.4. Chương trình đào tạo chuẩn ngành Quản trị kinh doanh**

**Mã trường:** QHE.

**Tên ngành đào tạo:**

+ Tiếng Việt: Quản trị kinh doanh

+ Tiếng Anh: Business Administration

**Mã số ngành đào tạo:** 52340101

**Tổ hợp xét tuyển:** Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Văn, Anh (D01); Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Văn, KHXH (C15).

**Tiêu chí phụ:** Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì xét trúng tuyển căn cứ theo điểm từ cao xuống thấp của môn thi Toán.

- Chương trình được xây dựng trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo của Trường Haas School of Business (University of California Berkeley, Hoa Kỳ) có điều chỉnh, bổ sung phù hợp với điều kiện Việt Nam.

- Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn tiếng Anh bậc 3 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), có khả năng làm việc trong các lĩnh vực marketing, quản trị nguồn nhân lực, tài chính...



### **2.6.5. Chương trình đào tạo chuẩn ngành Tài chính - Ngân hàng**

**Mã trường:** QHE.

**Tên ngành đào tạo:**

+ Tiếng Việt: Tài chính - Ngân hàng

+ Tiếng Anh: Finance - Banking

**Mã số ngành đào tạo:** 52340201

**Tổ hợp xét tuyển:** Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Văn, Anh (D01); Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Văn, KHXH (C15).

Tiêu chí phụ: Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì xét trúng tuyển căn cứ theo điểm từ cao xuống thấp của môn thi Toán.

Chương trình được xây dựng trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo của Trường Kinh doanh Wharton - Đại học Pennsylvania (Hoa Kỳ), có điều chỉnh, bổ sung phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn tiếng Anh bậc 3 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), có trình độ chuyên môn cao, có khả năng làm việc trong các lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, tài chính công ty, thuế và ngân sách...

### **2.6.6. Chương trình đào tạo chuẩn ngành Kế toán**

**Mã trường:** QHE.

**Tên ngành đào tạo:**

+ Tiếng Việt: Kế toán

+ Tiếng Anh: Accounting

**Mã số ngành đào tạo:** 51340301

**Tổ hợp xét tuyển:** Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Văn, Anh (D01); Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Văn, KHXH (C15).

Tiêu chí phụ: Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì xét trúng tuyển căn cứ theo điểm từ cao xuống thấp của môn thi Toán.

Chương trình được thiết kế có tham khảo chương trình đào tạo cử nhân Kế toán của Trường Đại học Queensland (Úc), có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế Việt Nam.

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn tiếng Anh bậc 3 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), có khả năng làm việc trong các lĩnh vực kế toán doanh nghiệp, kiểm toán, thuế, phân tích tài chính...

#### **2.6.7. Chương trình đào tạo chuẩn ngành Kinh tế quốc tế**

**Mã trường:** QHE.

**Tên ngành đào tạo:**

+ Tiếng Việt: Kinh tế quốc tế

+ Tiếng Anh: International Economics

**Mã số ngành đào tạo:** 52310106

**Tổ hợp xét tuyển:** Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Văn, Anh (D01); Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Văn, KHXH (C15).

Tiêu chí phụ: Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì xét trúng tuyển căn cứ theo điểm từ cao xuống thấp của môn thi Toán.

Chương trình được xây dựng trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo của Đại học California Santa Cruz (Hoa Kỳ), có điều chỉnh, bổ sung phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn tiếng Anh bậc 3 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), có khả năng tác nghiệp, phân tích và trợ giúp hoạch định, tổ chức thực thi các chính sách, cũng như lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các dự án về thương mại quốc tế, tài chính quốc tế và đầu tư nước ngoài tại các cơ quan chính phủ, doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài.

#### **2.6.8. Chương trình đào tạo chuẩn ngành Kinh tế phát triển**

**Mã trường:** QHE.

**Tên ngành đào tạo:**

+ Tiếng Việt: Kinh tế Phát triển (Ngành đào tạo thí điểm)

+ Tiếng Anh: Development Economics

**Tổ hợp xét tuyển:** Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Văn, Anh (D01); Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Văn, KHXH (C15).

Tiêu chí phụ: Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì xét trúng tuyển căn cứ theo điểm từ cao xuống thấp của môn thi Toán.

Chương trình được thiết kế nhằm đào tạo cử nhân trong lĩnh vực kinh tế phát triển theo định hướng chuyên gia và lãnh đạo. Chương trình bao gồm các học phần chung, các học phần thuộc khối ngành kinh tế và các học phần chuyên sâu về Chính sách công, Môi trường và Phát triển bền vững, Kinh tế học.

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn tiếng Anh bậc 3 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), có khả năng phân tích, đánh giá, tổng hợp, nghiên cứu, giảng dạy các vấn đề về kinh tế phát triển và mang tính liên ngành, có khả năng làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức phát triển, các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học và cơ sở nghiên cứu; có thể tích lũy kinh nghiệm để trở thành chuyên gia phân tích, nhà hoạch định chính sách, nhà lãnh đạo trong lĩnh vực kinh tế phát triển.

#### **2.6.9. Chương trình đào tạo chuẩn ngành Kinh tế**

**Mã trường:** QHE.

**Tên ngành đào tạo:**

+ Tiếng Việt: Kinh tế

+ Tiếng Anh: Economics

**Tổ hợp xét tuyển:** Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Văn, Anh (D01); Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Văn, KHXH (C15).

Tiêu chí phụ: Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì xét trúng tuyển căn cứ theo điểm từ cao xuống thấp của môn thi Toán.

Chương trình được thiết kế theo hướng cơ bản, hệ thống, hiện đại, vừa kế thừa những thành tựu phát triển lâu dài của khoa học kinh tế Việt Nam, vừa có khả năng liên thông và hội nhập quốc tế. Chương trình gồm các học phần chung, các học phần thuộc khối ngành kinh tế và các học phần chuyên sâu về Kinh tế chính trị, Kinh tế học thể chế.

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn tiếng Anh bậc 3 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), có phương pháp tư duy khoa học, có khả năng truyền đạt và vận dụng kiến thức được trang bị để tham gia nghiên cứu, giải

*ue*

*g*

quyết các vấn đề thực tiễn của nền kinh tế, có khả năng làm việc tại các cơ sở nghiên cứu kinh tế, cơ sở giáo dục đại học, cơ quan hoạch định và tư vấn chính sách kinh tế của nhà nước, các tổ chức hành chính - sự nghiệp.

#### **2.6.10. Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh liên kết quốc tế do Đại học Troy (Hoa Kỳ) cấp bằng**

**Tên ngành đào tạo:**

- + Tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
- + Tiếng Anh: Business Administration

**Phương thức tuyển sinh:**

+ **Phương thức 1: Xét kết quả học tập THPT lớp 12: 60 chỉ tiêu**

- Điều kiện 1: Trung bình chung lớp 12 đạt 6.0/10 trở lên
- Điều kiện 2: Có kết quả tổ hợp xét tuyển thông qua tổng điểm trung

bình cả năm lớp 12 đạt 18.0 trở lên, bao gồm 1 trong 4 tổ hợp xét tuyển sau:

<b>Tổ hợp xét tuyển 1</b>	<b>Tổ hợp xét tuyển 2</b>	<b>Tổ hợp xét tuyển 3</b>	<b>Tổ hợp xét tuyển 4</b>
Toán, Lý, Anh	Toán, Văn, Anh	Toán, Hóa, Anh	Toán, Sinh, Anh

- Điều kiện 3: Tiếng Anh

✓ **Tuyển thẳng:** Thí sinh có một trong các chứng chỉ tiếng Anh (còn hiệu lực tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh) với kết quả tối thiểu như sau: IELTS 5.5, TOEFL iBT 61; B2 khung tham chiếu Châu Âu hoặc tương đương (TOEIC 600; đạt bậc 4/6 theo khung năng lực dành cho người Việt Nam).

✓ **Xét tuyển:** Thí sinh xét tuyển và đạt yêu cầu để xếp lớp luyện thi IELTS thông qua bài kiểm tra tiếng Anh tại Trường Đại học Kinh tế hoặc 1 trong 2 kết quả dưới đây:

(1) Điểm thi tiếng Anh tại Kỳ thi THPT Quốc gia năm 2016, 2017 (6.0/10 trở lên).

(2) Điểm trung bình môn Tiếng Anh Học kỳ 1 hoặc Học kỳ 2 lớp 12 (7.0/10 trở lên).

+ **Phương thức 2 – Xét kết quả thi THPT chung Quốc Gia: 20 chỉ tiêu**

- Tổ hợp xét tuyển: Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Văn, Anh (D01); Toán, Hóa học, Tiếng Anh (D07); Toán, Sinh học, Tiếng Anh (D08).

Tiêu chí phụ: Ngoài kết quả tổ hợp xét tuyển trên, thí sinh phải đảm bảo hai tiêu chí sau:

Tiêu chí 1: Trung bình chung lớp 12 đạt 6.0/10 trở lên

Tiêu chí 2: Tiếng Anh, thí sinh đạt một trong các tiêu chí sau:

✓ Tuyển thẳng: Thí sinh có một trong các chứng chỉ tiếng Anh (còn hiệu lực tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh) với kết quả tối thiểu như sau: IELTS 5.5, TOEFL iBT 61; B2 khung tham chiếu Châu Âu hoặc tương đương (TOEIC 600; đạt bậc 4/6 theo khung năng lực dành cho người Việt Nam).

✓ Xét tuyển: Thí sinh xét tuyển và xếp lớp luyện thi IELTS thông qua bài kiểm tra tiếng Anh tại Trường Đại học Kinh tế hoặc 1 trong 2 kết quả dưới đây:

(1) Điểm thi tiếng Anh tại Kỳ thi THPT Quốc gia năm 2016, 2017 (6.0/10 trở lên),

(2) Điểm trung bình môn Tiếng Anh Học kỳ 1 hoặc Học kỳ 2 lớp 12 (7.0/10 trở lên).

#### **Ghi chú:**

(1) Thí sinh có chứng chỉ A Level của Đại học Cambridge được xét tuyển thẳng vào chương trình.

(2) Thí sinh là người Việt Nam có bằng Tốt nghiệp THPT do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp được xét tuyển thẳng vào học khi văn bằng được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

(3) Thí sinh xét tuyển và thí sinh có chứng chỉ B2 theo khung tham chiếu Châu Âu hoặc tương đương phải nộp được chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đạt tối thiểu IELTS 5.5 hoặc TOEFL iBT 61 khi kết thúc 3 học kỳ đầu tiên.

#### **2.8. Chính sách ưu tiên:**

- Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Hướng dẫn tuyển sinh của ĐHQGHN.

- Xét tuyển thẳng những thí sinh là Học sinh các lớp chuyên của Trường THPT chuyên Khoa học Tự nhiên và Trường THPT chuyên Ngoại ngữ thuộc ĐHQGHN đã tốt nghiệp THPT và đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN; thí sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi, có hạnh kiểm tốt từng năm học trong cả 3 năm học THPT và có tổng điểm 4 môn thi tốt nghiệp THPT đạt tối thiểu 32,0 điểm trong đó không có điểm môn nào dưới 6,0 điểm (*tổng số có 06 chỉ tiêu, trong đó có 01 chỉ tiêu cho một chương trình đào tạo hệ chuẩn Kinh tế, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán*).

- Ưu tiên xét tuyển: Thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn Toán học, Vật Lý, Hóa học, Tin học, Tiếng Anh và đã tốt nghiệp THPT, có kết quả thi đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐHQGHN quy định (*tổng số có 06 chỉ tiêu, trong đó có 01 chỉ tiêu cho một chương trình đào tạo hệ chuẩn Kinh tế, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán*).

Bên cạnh đó Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN có 06 chỉ tiêu cho diện xét tuyển thẳng các thí sinh ở huyện nghèo và dân tộc rất ít người, trong đó có 03 chỉ tiêu ngành Kinh tế (hệ đào tạo chuẩn), 03 chỉ tiêu ngành Kinh tế phát triển (hệ đào tạo chuẩn); 16 chỉ tiêu cho các thí sinh dự bị đại học.

#### 2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển;

Theo quy định của ĐHQGHN.

#### 2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; và, lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có);

Các chương trình đào tạo chuẩn: học phí áp dụng theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015

Các chương trình đào tạo chất lượng cao đáp ứng Thông tư 23: mức học phí dự kiến áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2017 là: 140 triệu đồng/Khóa, tương ứng 3,5 triệu đồng/tháng.

Học phí chương trình Cử nhân quản trị Kinh doanh liên kết với ĐH Troy, Hoa Kỳ: 248 triệu đồng/khóa, tương ứng khoảng 5,6 triệu đồng/tháng

2.11. Các nội dung khác (không trái quy định)....

**3. Thông tin về các Điều kiện đảm bảo chất lượng chính**

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

3.1.1. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

Tổng diện tích đất của trường là: 1.85 ha

Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường là: 1.85ha.

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
1	Phòng thực hành máy tính do Trường quản lý	33 máy tính, 01 máy chủ, màn chiếu, máy chiếu, thiết bị âm thanh, hệ thống điều hòa
2	Phòng thực hành máy tính dùng chung với ĐHQGHN	360 máy tính trạm, màn chiếu, máy chiếu, thiết bị âm thanh, hệ thống điều hòa

3.1.2. Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ (bao gồm hội trường dùng chung với ĐHQGHN)	02
2	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	04
3	Phòng học từ 50-100 chỗ	19
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	2
5	Số phòng học đa phương tiện	07

3.1.3. Thống kê về học liệu (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Nhóm ngành III	6856
2	Nhóm ngành VII	4832

ue

g

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu (file excel)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành đào tạo	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
<b>Nhóm ngành III</b>									
1	Phan Huy Đường	31/12/1950	Kinh tế Chính trị		GS.TS				
2	Phạm Văn Dũng	27/08/1957	Kinh tế Chính trị	PGS.TS					
3	Phạm Thị Hồng Điệp	03/11/1974	Kinh tế Chính trị	PGS.TS					
4	Nguyễn Trúc Lê	10/09/1976	Kinh tế/Phát triển doanh nghiệp	PGS.TS					
5	Trần Đức Vui	12/10/1954	Quản lý Kinh tế					TS	
6	Đỗ Anh Đức	15/10/1983	Quản lý Kinh tế (Khoa học Quản lý)					TS	
7	Nguyễn Thị Kim Anh	16/06/1961	Thương mại và Kinh doanh	PGS.TS					
8	Nguyễn Thị Kim Chi	05/07/1958	Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế	PGS.TS					
9	Nguyễn Xuân Thiên	05/05/1957	Kinh tế Chính trị	PGS.TS					
10	Nguyễn Hồng Sơn	24/07/1964	Kinh tế Chính trị	PGS.TS					
11	Hà Văn Hội	05/10/1962	Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế	PGS.TS					
12	Phạm Vũ Thăng	24/01/1975	Kinh tế					TS	
13	Nguyễn Tiến Minh	05/10/1981	Kinh tế					TS	
14	Đỗ Minh Cương	02/09/1959	Triết học	PGS.TS					
15	Nguyễn Thị Anh Đào	13/07/1963	Kinh tế Chính trị				ThS		
16	Trương Minh Đức	05/05/1962	Quản trị Kinh doanh					TS	
17	Nguyễn Thu Hà	17/09/1982	Quản trị Kinh doanh quốc tế					TS	

*ll*

*g*



STT	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành đào tạo	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
18	Hoàng Văn Hải	19/05/1966	Kinh tế, quản lý và Kế hoạch hóa Kinh tế Quốc dân	PGS.TS					
19	Đặng Thị Hương	07/09/1977	Quản trị kinh doanh					TS	
20	Đỗ Tiến Long	15/02/1971	Quản trị Kinh doanh					TS	
21	Nguyễn Phương Mai	25/08/1981	Quản trị Kinh doanh					TS	
22	Nguyễn Đăng Minh	10/06/1976	Quản trị Kinh doanh					TS	
23	Nguyễn Thị Phi Nga	15/03/1967	Marketing					TS	
24	Đỗ Xuân Trường	31/10/1972	Kinh doanh quốc tế					TS	
25	Nhâm Phong Tuấn	22/02/1980	Khoa học Phát triển	PGS.TS					
26	Nguyễn Anh Tuấn	08/07/1983	Quản trị Kinh doanh				ThS		
27	Hồ Chí Dũng	20/8/1969	Quản trị Kinh doanh					TS	
28	Lưu Thị Minh Ngọc	26/06/1982	Quản trị Kinh doanh					TS	
29	Phan Chí Anh	13/06/1970	Hệ thống Kinh doanh					TS	
30	Nguyễn Thùy Dung	11/04/1976	Quản trị Kinh doanh (Viện QTKD)					TS	
31	Trần Đoàn Kim	02/11/1969	Kinh tế Phát triển					TS	
32	Lê Quân	13/08/1974	Khoa học Quản lý	PGS.TS					
33	Nguyễn Mạnh Tuấn	20/10/1962	Kinh tế Chính trị	PGS.TS					
34	Đình Văn Toàn	05/04/1967	Kinh tế phát triển					TS	
35	Nguyễn Việt Lộc	26/09/1972	Quản trị Kinh doanh					TS	
36	Trần Thị Vân Anh	09/04/1972	Kinh tế - Tiền tệ Châu Á					TS	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành đào tạo	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
37	Đinh Xuân Cường	30/08/1976	Tài chính quốc tế					TS	
38	Nguyễn Phú Hà	28/01/1976	Quản trị Kinh doanh					TS	
39	Nguyễn Thế Hùng	12/06/1956	Quản lý kinh tế					TS	
40	Trịnh Thị Phan Lan	22/03/1980	Quản trị Kinh doanh				ThS		
41	Tô Lan Phương	09/12/1982	Kinh tế Tài chính Ngân hàng				ThS		
42	Lê Trung Thành	12/07/1976	Kinh tế Tài chính - Ngân hàng					TS	
43	Nguyễn Tiến Thành	03/11/1985	Tài chính				ThS		
44	Lê Thị Phương Thảo	18/05/1977	Chính sách công				ThS		
45	Trần Thị Thanh Tú	15/11/1976	Kinh tế Tài chính - Ngân hàng	PGS.TS					
46	Nguyễn Anh Tuấn	21/05/1977	Kinh tế học					TS	
47	Đinh Thị Thanh Vân	12/09/1976	Quản trị kinh doanh					TS	
48	Nguyễn Văn Hiệu	20/06/1966	Tài chính Ngân hàng	PGS.TS					
49	Trương Thị Hoài Thơ	26/06/1991	Tài chính và Đầu tư				ThS		
50	Nguyễn Quốc Việt	06/11/1977	Kinh tế và khoa học xã hội				ThS		
51	Nguyễn Thị Nhung	01/6/1984	Khoa học Kinh tế (Kinh tế và Tài chính quốc tế)					TS	
52	Trần Anh Tài	20/11/1957	Kinh tế chính trị	PGS.TS					
53	Nguyễn Thị Hải Hà	29/11/1980	Kinh tế/Cử nhân Tài chính tín dụng				ThS		
54	Nguyễn Thị Thanh Hải	01/03/1979	Kế toán (Kế toán, Kiểm toán và phân tích)					TS	
55	Nguyễn Thị Hương Liên	20/03/1978	Kinh tế toàn cầu					TS	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành đào tạo	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
56	Trần Thế Nữ	01/06/1980	Kế toán (Kế toán, Kiểm toán và phân tích)					TS	
57	Đỗ Kiều Oanh	01/11/1975	Kinh tế /CN Kế toán					TS	
58	Phạm Ngọc Quang	02/01/1973	Kinh doanh về Kế toán (Mbus)				ThS		
59	Nguyễn Huy Tâm	11/12/1982	Kế toán				ThS		
60	Nguyễn Thị Phương Dung	23/11/1982	Kế toán					TS	
61	Đỗ Quỳnh Chi	19/10/1983	Kế toán Quốc tế				ThS		
62	Nguyễn Hoàng Thái	24/2/1990	Kinh tế (Kế toán)				ThS		
63	Khiếu Hữu Bình	10/01/1986	Tiền tệ, Ngân hàng và Tài chính				ThS		
<b>Nhóm ngành VII</b>									
1	Phạm Quỳnh Anh	16/08/1962	Kinh tế phát triển, chính sách công					TS	
2	Lưu Quốc Đạt	06/11/1984	Quản lý Công nghiệp					TS	
3	Bùi Đại Dũng	01/05/1964	Kinh tế Quốc tế					TS	
4	Nguyễn Thị Vĩnh Hà	07/06/1978	Kinh tế phát triển				ThS		
5	Lương Thị Ngọc Hà	31/03/1985	Nghiên cứu phát triển				ThS		
6	Nguyễn Thanh Hằng	15/09/1986	Toán và tin học				ThS		
7	Phí Mạnh Hồng	24/07/1956	Kinh tế chính trị	PGS.TS					
8	Hoàng Khắc Lịch	19/09/1983	Kinh tế học					TS	
9	Vũ Đức Thanh	04/03/1956	Kinh tế chính trị	PGS.TS					

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành đào tạo	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
10	Nguyễn Đức Thành	10/05/1977	Kinh tế Phát triển					TS	
11	Nguyễn Việt Thành	05/08/1974	Kinh tế					TS	
12	Đào Thị Bích Thủy	26/10/1974	Kinh tế học					TS	
13	Đàm Thị Tuyết	14/07/1984	Kinh tế môi trường và Quản lý				ThS		
14	Nguyễn Quốc Việt	14/06/1975	Kinh tế và khoa học xã hội					TS	
15	Phạm Quang Vinh	06/03/1959	Kinh tế chính trị					TS	
16	Nguyễn Thị Phan Thu	10/11/1990	Kinh tế Tài chính và Kinh doanh				ThS		
17	Ngô Minh Nam	04/08/1992	Kinh tế học				ThS		
18	Trần Việt Dung	30/05/1977	Kinh tế và tài chính quốc tế				ThS		
19	Nguyễn Tiến Dũng	13/03/1969	Phát triển quốc tế					TS	
20	Vũ Thanh Hương	25/05/1977	Kinh tế học Tài nguyên thiên nhiên				ThS		
21	Nguyễn Việt Khôi	24/04/1979	Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế	PGS.TS					
22	Trần Thế Lân	27/10/1981	Kinh tế đối ngoại				ThS		
23	Nguyễn Cẩm Nhung	09/08/1976	Phát triển toàn cầu					TS	
24	Nguyễn Thị Minh Phương	29/06/1986	Kinh tế Quốc tế				ThS		
25	Nguyễn Anh Thu	30/10/1976	Phát triển quốc tế					TS	
26	Nguyễn Thị Vũ Hà	30/12/1979	Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế					TS	
27	Nguyễn Thị Thanh Mai	17/7/1987	Kinh doanh Quốc tế				ThS		

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành đào tạo	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
28	Đặng Quý Dương	17/4/1983	Kinh tế quốc tế					TS	
29	Nguyễn Thị Phương Linh	26/01/1992	Quản lý và Kinh doanh Quốc tế				ThS		
30	Phạm Xuân Hoan	06/03/1971	Kinh tế	PGS.TS					
31	Phạm Thu Phương	02/5/1981	Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế					TS	
32	Lê Văn Anh	04/11/1982	Kinh tế Chính trị				ThS		
33	Nguyễn Thùy Anh	24/02/1981	Nghiên cứu Quốc tế					TS	
34	Lã Thanh Bình	16/12/1975	Kinh tế chính trị XHCN				ThS		
35	Lê Thị Hồng Diệp	12/03/1978	Kinh tế Chính trị					TS	
36	Nguyễn Thị Hồng Hải	11/08/1977	Kinh tế/Địa lý kinh tế					TS	
37	Trần Đức Hiệp	30/09/1973	Kinh tế Chính trị	PGS.TS					
38	Nguyễn Thị Thu Hoài	12/12/1976	Kinh tế chính trị					TS	
39	Ngô Đăng Thành	07/09/1979	Kinh tế Chính trị/Chính sử công					TS	
40	Đình Văn Thông	24/11/1958	Kinh tế Chính trị	PGS.TS					
41	Lê Danh Tồn	27/11/1953	Kinh tế Chính trị	PGS.TS					
42	Trần Quang Tuyền	19/10/1973	Kinh tế học					TS	

#### 4. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 năm gần nhất)

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó số SV tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng		
	ĐH	ĐH	ĐH	ĐH	ĐH	ĐH	ĐH	ĐH	CDSP
Năm	2010	2011	2010	2011	2014	2015	Tốt nghiệp	Tốt nghiệp	

*me*

*g*

							<i>năm</i> 2014	<i>năm</i> 2015	
Nhóm ngành III	220	220	194	215	136	183	90%	95,6%	
Nhóm ngành VII	210	210	163	210	126	173	91,1%	88,2%	

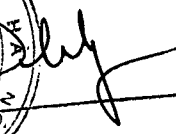
**5. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm và chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm:**

- Tổng nguồn thu hợp pháp đào tạo đại học năm 2016: 36.902 triệu đồng, trong đó: Nguồn thu từ ngân sách cấp: 21.594 triệu đồng; thu từ học phí: 14.518 triệu đồng; thu lệ phí và nguồn thu khác: 790 triệu đồng.

- Chi phí đào tạo trung bình/sinh viên/năm: 19 triệu đồng. *ue*

Ngày 16 tháng 3 năm 2017.

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
KINH TẾ  
BẠNG  
KINH



PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

Phụ lục 2. THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA TRƯỜNG

(Kèm theo công văn số 471 /ĐHKT-ĐT ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc Gia Hà Nội)

Kiểu file: Excel .XLS hoặc .XLSX

Quy định cách đặt tên File dữ liệu:

Ma truong\_Ten truong.XLS (ví dụ: Trường ĐH Bách khoa Hà Nội: BKA\_DH Bach khoa Ha Noi.XLS)

Yêu cầu các File dữ liệu được gõ theo kiểu Telex và sử dụng Font Time New Roman cỡ chữ 11.

1. Đăng ký người dùng Hệ thống phần mềm thống kê nguyện vọng xét tuyển

Tên trường: Trường Đại học Kinh tế

TT	Mã trường	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/ chức vụ	Đơn vị công tác trong trường	Số CMND	Số điện thoại	Email
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	QHE	Nguyễn Trúc Lê	10/09/1976	Nam	Phó Hiệu trưởng	Ban Giám Hiệu	0010760098 89	0933.658888	trucle@vnu.edu. vn
2	QHE	Nguyễn Anh Tuấn	21/05/1977	Nam	Trưởng Phòng Đào tạo	Phòng Đào tạo	0010770076 18	0912.322.46 1	natuan@vnu.edu .vn
3	QHE	Nguyễn Thị Thu	12/07/1970	Nữ	Phó Trưởng Phòng Đào tạo	Phòng Đào tạo	012109795	0915.115.84 8	thunt@vnu.edu. vn
4	QHE	Lê Khánh Cường	22/07/1983	Nam	CV Phòng Đào tạo	Phòng Đào tạo	0140830000 28	0973340988	cuonglk@vnu.ed u.vn
5	QHE	Đinh Thị Thúy Hòa	12/02/1982	Nữ	CV Phòng Đào tạo	Phòng Đào tạo	183321042	0915753836	hoa_dtt@vnu.ed u.vn
6	QHE	Vũ Thị Ngọc Châu	26/08/1984	Nữ	CV Phòng Đào tạo	Phòng Đào tạo	162598075	0917.847.08 9	chauvt@vnu.ed u.vn

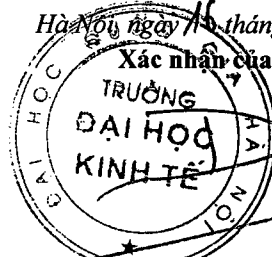
Yêu cầu điền đầy đủ thông tin vào các cột: (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10).

**2. Thông tin liên lạc của trường**

Mã trường	Thông tin chung	Chức danh/ chức vụ	Họ và tên	Điện thoại	Fax	Mobile	E-mail
	<b>Tên trường:</b>	GD/HT		04-	04-		
	Địa chỉ: 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	PGĐ/PHT phụ trách ĐT	Nguyễn Trúc Lê	0437547506 (máy lẻ 604)		0933.658888	trucle@vnu.edu.vn
	ĐT phòng HC: Phòng 302, nhà E4, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	TP-ĐT	Nguyễn Anh Tuấn	0437547506 (máy lẻ 304)		0912.322.461	natuan@vnu.edu.vn
	Fax HC: (84.4) 37546765.	Phòng ĐT	Nguyễn Thị Thư	0437547506 (máy lẻ 306)		0915.115.848	thunt@vnu.edu.vn
	Website: <a href="http://ueb.vnu.edu.vn/">http://ueb.vnu.edu.vn/</a>	PT MT	Nguyễn Thị Thư	0437547506 (máy lẻ 306)		0915.115.848	thunt@vnu.edu.vn
			Lê Khánh Cường	0437547506 (máy lẻ 305)		0973340988	cuonglk@vnu.edu.vn

Người lập biểu:

Họ và tên: Lê Khánh Cường  
 Điện thoại: 0437547506 (máy lẻ 305)  
 Di động: 0973.340.988

Hà Nội ngày 16 tháng 3 năm 2017  
 Xác nhận của Lãnh đạo đơn vị  
  
 PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê



**Phụ lục 3.**

**THÔNG TIN PHỤC VỤ TUYỂN SINH HỆ CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC; TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN NĂM 2017**

(Kèm theo công văn số 471 /ĐHKT-ĐT ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc Gia Hà Nội)

**TÊN TRƯỜNG: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐHQG HÀ NỘI**  
**(MÃ TRƯỜNG: QHE)**

**Địa chỉ: Nhà E4, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội**

**Điện thoại: 0437547506**

**Fax: (84.4) 37546765.**

**Website: ueb.vnu.edu.vn Email: news\_ueb@vnu.edu.vn**

**1. Vùng tuyển sinh:** Trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN tuyển sinh trong cả nước.

**2. Phương thức tuyển sinh:**

- *Đợt 1:* Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia theo tổ hợp các môn/bài thi tương ứng; kết quả thi đánh giá năng lực (ĐGNL) còn hạn sử dụng do ĐHQGHN tổ chức; chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí ĐH Cambridge, Anh (Cambridge International Examinations A-Level, UK; sau đây gọi tắt là chứng chỉ A-Level)

*Thời gian xét tuyển (dự kiến) từ 17/7-31/08/2017.*

- *Đợt bổ sung:* Xét tuyển như Đợt 1, Quy định cụ thể xét tuyển của từng ngành học tương ứng sẽ được công bố trên website của ĐHQGHN và của các đơn vị đào tạo (nếu có). *Thời gian xét tuyển (dự kiến): 13/8/2017.*

*Kế hoạch xét tuyển sẽ được công bố trên website của ĐHQGHN và của các đơn vị đào tạo thuộc ĐHQGHN.*

**3. Các thông tin cơ bản quy định trong đề án tuyển sinh của trường**

- Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Hướng dẫn tuyển sinh của ĐHQGHN.

- Xét tuyển thẳng những thí sinh là Học sinh các lớp chuyên của Trường THPT chuyên Khoa học Tự nhiên và Trường THPT chuyên Ngoại ngữ thuộc ĐHQGHN đã tốt nghiệp THPT và đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN; thí sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi, có hạnh kiểm tốt từng năm học trong cả 3 năm học THPT và có tổng điểm 4 môn thi tốt nghiệp THPT đạt tối thiểu 32,0 điểm trong đó không có điểm môn nào dưới 6,0 điểm.

- Ưu tiên xét tuyển: Thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn Toán học, Vật Lý, Hóa học, Tin học, Tiếng Anh và đã tốt nghiệp THPT, có kết quả thi đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐHQGHN quy định.

**4. Các thông tin khác**

- Số lượng chỗ trong ký túc xá: Sinh viên ở tỉnh xa về học được bố trí ở ký túc xá chung của ĐHQGHN, KTX được xây dựng các địa điểm khác nhau thuận tiện cho sinh viên di chuyển giữa các giảng đường. Khu KTX trong khuôn viên ĐHQGHN được dành 300 chỗ cho những sinh viên của Trường thuộc các đối tượng chế độ chính sách ưu tiên: con thương binh. Bệnh binh, người có công với cách mạng..., vùng sâu vùng xa, hoàn cảnh khó khăn...

Ngoài ra còn có khoảng 2.000 chỗ ở tại KTX Mỹ Đình đủ để đáp ứng 100% nhu cầu của sinh viên.

- Các chương trình đào tạo theo chương trình chất lượng cao đáp ứng Thông tư 23 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được ĐHQGHN cho phép: Kinh tế quốc tế CLC (TT23), Quản trị kinh doanh CLC (TT23), Tài chính - Ngân hàng CLC (TT23). Học phí 35.000.000đ/năm học

**5. Thông tin về ngành đào tạo/ chỉ tiêu/ tổ hợp môn xét tuyển/ thi tuyển**

TT (1)	Mã trường (2)	Mã ngành (3)	Tên ngành (4)	Chỉ tiêu (dự kiến) (5)		Tổ hợp môn xét tuyển 1 (6)		Tổ hợp môn xét tuyển 2 (7)		Tổ hợp môn xét tuyển 3 (8)		Tổ hợp môn xét tuyển 4 (9)	
				theo xét KQ thi THPT QG	Theo phương thức khác	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính
1	QHE	52310101	Kinh tế	71	9	Toán, Lý, Anh		Toán, Văn, Anh		Toán, Lý, Hóa		Toán, Văn, KHXH	
2	QHE	52310104	Kinh tế phát triển	71	9	Toán, Lý, Anh		Toán, Văn, Anh		Toán, Lý, Hóa		Toán, Văn, KHXH	
3	QHE	52310106	Kinh tế quốc tế	74	6	Toán, Lý, Anh		Toán, Văn, Anh		Toán, Lý, Hóa		Toán, Văn, KHXH	

TT (1)	Mã trường (2)	Mã ngành (3)	Tên ngành (4)	Chỉ tiêu (dự kiến) (5)		Tổ hợp môn xét tuyển 1 (6)		Tổ hợp môn xét tuyển 2 (7)		Tổ hợp môn xét tuyển 3 (8)		Tổ hợp môn xét tuyển 4 (9)	
				theo xét KQ thi THPT QG	Theo phương thức khác	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính
4	QHE	52340101	Quản trị kinh doanh	75	5	Toán, Lý, Anh		Toán, Văn, Anh		Toán, Lý, Hóa		Toán, Văn, KHXH	
5	QHE	52340201	Tài chính - Ngân hàng	65	5	Toán, Lý, Anh		Toán, Văn, Anh		Toán, Lý, Hóa		Toán, Văn, KHXH	
6	QHE	52340301	Kế toán	84	6	Toán, Lý, Anh		Toán, Văn, Anh		Toán, Lý, Hóa		Toán, Văn, KHXH	
7	QHE	52310106CLC	Kinh tế quốc tế CLC (TT23)	69	1	Toán, KHTN, Anh		Toán, KHXH, Anh					
8	QHE	52340101CLC	Quản trị kinh doanh CLC (TT23)	69	1	Toán, KHTN, Anh		Toán, KHXH, Anh					
9	QHE	52340201CLC	Tài chính - Ngân hàng CLC (TT23)	59	1	Toán, KHTN, Anh		Toán, KHXH, Anh					
			<b>Tổng</b>	<b>637</b>	<b>43</b>								

**Ghi chú:** - Yêu cầu điền đầy đủ thông tin vào các cột: (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9).

- Cột Mã ngành (3), Tên ngành (4): Quy định theo Thông tư số 15/VBHN-BGDĐT ngày 08/5/2014 hợp nhất Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học.
- Cột Chỉ tiêu (5): Là tổng chỉ tiêu của tất cả phương thức tuyển sinh.
- Mã tổ hợp: Mỗi ngành chỉ được xét tuyển/ thi tuyển tối đa 04 tổ hợp môn quy định Mã tổ hợp trong Sheet "Bảng tổ hợp môn xét tuyển".
- Môn chính: Nếu không quy định môn chính thì để trống ô này.

**Người lập biểu**

Họ và tên: Lê Khánh Cường  
Điện thoại: 0437547506 (máy lẻ 305)  
Di động: 0973.340.988

